

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị B, sinh năm 1975, nơi ĐKKHKT: thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; hiện cư trú tại: tổ 7, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đào Xuân P, sinh năm 1971, cư trú tại: thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Trương Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh P qua tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T vào ngày 06/9/1994. Sau khi kết hôn thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận,

nhưng từ sau khi sinh con thì tình cảm vợ chồng đã bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P không tu chí làm ăn, mà chơi bời, tụ tập bạn bè, không quan tâm tới vợ con; chị B và gia đình có khuyên bảo nhưng anh P không nghe mà còn bới chửi xúc phạm chị và gia đình. Vì nghĩ cho con cái nên chị đã cố gắng chịu đựng, nhưng anh P vẫn không thay đổi mà ngày càng quá đáng hơn. Năm 2012 chị đã gửi đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; được Tòa án động viên hàn gắn tình cảm và nghĩ con còn nhỏ nên chị đã rút đơn, nhưng anh P vẫn không thay đổi. Từ tháng 6 năm 2016 chị đã bỏ vào Đồng Nai sinh sống với bố mẹ đẻ, thỉnh thoảng mới về thăm con, vợ chồng đã sống ly thân đến nay không còn tình cảm, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị B xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Đào Phương N, sinh ngày 12/3/1995 và cháu Đào Sơn H, sinh ngày 05/7/2007. Quan điểm của chị B là cháu N đã trưởng thành, đang đi làm có thu nhập nên chị không yêu cầu giải quyết; còn cháu H đang còn nhỏ và anh P có nguyện vọng xin được nuôi, nên chị đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh P được trực tiếp nuôi dưỡng cho thuận tiện việc sinh hoạt và học tập của cháu H. Về cấp dưỡng để vợ chồng tự thỏa thuận, nếu anh P có yêu cầu chị sẽ cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị B xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2019 bị đơn là anh Đào Xuân P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P xác nhận việc vợ chồng kết hôn là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 06/9/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm thì có xảy ra trục trặc, nên chị B bỏ đi miền N; thỉnh thoảng chị B có về nhưng vợ chồng không còn tình cảm và vợ chồng sống ly thân 3 đến 4 năm nay. Nay chị B yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh P xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Đào Phương N, sinh ngày 12/3/1995 và cháu Đào Sơn H, sinh ngày 05/7/2007. Quan điểm của anh P là cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh xin được nuôi cháu H và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: anh P xác định để vợ chồng tự chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2019 cháu Đào Sơn H trình bày: từ năm 2016 mẹ cháu (chị B) đã đi miền N thỉnh thoảng mới về thăm; chuyện tình cảm của bố mẹ cháu không biết gì. Nay nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn ở với mẹ, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và

Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: xử cho chị Trương Thị B được ly hôn với anh Đào Xuân P; Về con chung: giao cháu Đào Sơn H cho anh Đào Xuân P trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Đào Phương N đã trưởng thành nên không xem xét; Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản và công nợ: không xem xét; Về án phí: chị Trương Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị B khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Đào Xuân P, cư trú tại: xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Đào Xuân P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị B và anh Đào Xuân P tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã N Giang, huyện Thọ Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/9/1994, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh P là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2012 thì tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc mà phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị B đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng sau đó chị B xin rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nên Tòa án đã đình chỉ vụ án. Quá trình chung sống tiếp theo tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, nên vợ chồng đã sống ly thân được 3 đến 4 năm nay. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh P; tại bản tự khai ngày 30/5/2019 anh P thừa nhận việc vợ chồng không còn tình cảm, nhưng không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh P đã không đến Tòa án làm việc, cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh P không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị B, xử cho chị Trương Thị B được ly hôn với anh Đào Xuân P.

[3] Về con chung: Chị B và anh P đều xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Đào Phương N, sinh ngày 12/3/1995 và cháu Đào Sơn H, sinh ngày 05/7/2007.

Chị B và anh P xác định cháu Đào Phương N đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết, do đó Tòa án không xem xét. Đối với cháu Đào Sơn H đang ở độ tuổi chưa thành niên, tại bản tự khai ngày 24/4/2019 cháu H có thể hiện nguyện vọng xin được ở với chị B. Tuy nhiên xét tại phiên tòa anh P vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án anh P có thể hiện nguyện vọng xin được nuôi cháu H và tại phiên tòa hôm nay chị B có ý kiến đồng ý để anh P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho thuận tiện trong việc sinh hoạt và học tập của cháu H, hơn nữa thực tế từ sau khi vợ chồng ly thân cháu H đang sinh sống ổn định với anh P; do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao cháu Đào Sơn H cho anh Đào Xuân P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh P không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng, xét đây là sự tự nguyện của anh P, do đó Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

[4] Về phân tài sản và công nợ: chị B và anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị B,

Chị Trương Thị B được ly hôn với anh Đào Xuân P.

2. *Về con chung:* Chị Trương Thị B và anh Đào Xuân P có 02 (hai) con chung là Đào Phương N, sinh ngày 12/3/1995 và Đào Sơn H, sinh ngày 05/7/2007.

Giao cháu Đào Sơn H cho anh Đào Xuân P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Trương Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Đào Phương N đã

trưởng thành, nên không xem xét.

Chị Trương Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trương Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị B đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001411 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Trương Thị B đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến